

MON ÉCOLE (1)

Trường học của tôi

(Bài diễn-thuyết của ông Tagore)

I

J'allais avoir quarante ans quand j'inaurai mon école au Bengale. Personne ne s'attendait à pareille chose de ma part, car ma vie jusqu'alors s'était passée presque entière à écrire, surtout des poèmes. Aussi pensa-t-on naturellement que mon institution ne serait pas des meilleures de son genre. On supposa qu'il s'agirait de quelque arrogante innovation, chef-d'œuvre de l'inexpérience, qui ne doute jamais de rien.

Quelle idée voulais-je réaliser en fondant cette école ? me demande-t-on souvent. La question est un peu déconcertante, car je ne voudrais pas répondre par des banalités. Toutefois, laissant là toute envie d'être original, je vais me contenter d'être vrai.

J'avoue d'emblée que je ne saurais formuler l'idée qui servit de base à mon institution, car cette idée ne fut point semblable au fondement rigide sur lequel on bâtit un édifice. Ce fut bien plutôt une graine et que l'on ne décrit ni ne classe, une semence qui commence à germer.

Je sais pourtant très bien à quoi mon école dut le jour : ce ne fut pas à une théorie pédagogique, mais au souvenir de mes journées d'écolier.

Khi tôi lập cái trường học của tôi ở Bengale thì tôi gần bốn-mươi tuổi. Không ai ngờ tôi làm một việc như thế, vì từ trước đến bấy giờ cả đời tôi chỉ làm thơ mà thôi. Cho nên người ta tất-nhiên tưởng rằng sự kiến-thiết của tôi đó không có lẽ hoàn-toàn tốt-đẹp được. Người ta ngờ là một sự cải-tiến, ngông-cuồng nào, do một anh chàng sức - nổi bất - tự - lượng bày đặt ra.

Thường có người hỏi tôi rằng tôi lập ra trường ấy là muốn thực-hành cái ý-tưởng gì ? Câu hỏi ấy cũng khi đương-đột, vì tôi không muốn trả lời bằng những câu khẩu-đầu vô-vị. Song tôi cũng không muốn lập-dị làm gì, xin cứ thực mà nói.

Trước hết tôi xin thú-thực rằng giá phải tiêu-biểu cái ý-tưởng làm gốc cho sự kiến-thiết của tôi thì tôi cũng khó mà nói cho rõ được, vì cái ý-tưởng ấy không giống như một cái nền-móng vững-vàng đề mà xây-dựng lên trên vậy. Nó khác nào như một cái hạt giống không vẽ ra được, cũng không phân-loại được, khác nào như một cái mầm mới bắt đầu mọc vậy.

Song tôi cũng biết bởi có gì mà tôi nghĩ lập ra cái trường của tôi : không phải là bởi một cái lý-thuyết về giáo-dục-học, chính là bởi sự ký-ức thừa nhỏ tôi đi học vậy.

(1) Cette conférence de Tagore a été publiée dans le volume intitulé *Personnalité* (Mac Millan et Co, 1917). La traduction en français que nous publions ici est donnée par E. Ficczinska dans son ouvrage : *Tagore éducateur*.

Ces journées avaient été malheureuses, et je ne puis en attribuer la misère seulement à une bizarrerie de ma nature. Je ne peux pas incriminer spécialement les écoles où l'on m'envoya. Moins impressionnable, j'aurais pu peut-être m'habituer peu à peu à la contrainte, et survivre le temps nécessaire pour prendre mes grades universitaires. Quoi qu'il en soit, les écoles sont ce qu'elles sont, meilleures ou pires, en vertu de l'idéal d'excellence auquel elles cherchent à se conformer.

L'alimentation des nouveaux-nés est assurée par l'institution du lait maternel, de telle sorte que les enfants font en même temps la découverte de leur nourriture et celle de leur mère; c'est l'aliment complet, du corps et de l'âme; telle est l'initiation de l'homme à son vrai rapport avec le monde, qui est l'amour, — et non pas une loi de causalité.

Or l'entrée en matière et la conclusion d'un livre ont en commun certains traits. Dans l'une et dans l'autre, le sujet se présente sous son aspect total, simple, dans la première, parce que non développé encore, et simple, dans la seconde, parce que pleinement développé. C'est au cours de l'exposé que le sujet se complique, se heurte aux objections, se fragmente, pour se retrouver entier, en définitive, dans l'épanouissement final.

Pareillement l'entrée de l'homme en ce monde, c'est — sous forme élémentaire — son introduction à sa vraie finalité. L'enfant, né dans un monde plein de vie intense, se voit l'objet de toute l'attention de son entourage. En grandissant, il se met à douter de son importance individuelle; il se perd de vue au milieu de la complexité des choses, il s'isole de son milieu, parfois s'en éloigne par antagonisme. Mais ce brisement de l'unité réelle, ce divorce de la personnalité et du monde ambiant ne sauraient aboutir à la discorde permanente. Pour atteindre à la conclusion de son existence, il faut qu'après

Thừa nhỏ tôi đi học thật là khổ quá, mà sự khổ ấy không phải là toàn bởi cái tính tôi kỳ-quặc khác thường. Tôi cũng không thể trách riêng những trường học tôi đã học qua. Giá tôi không có cái tính đa-cảm thời có lẽ dần dần cũng quen cái phép-tắc nghiêm-nhất của nhà trường mà ở được trọn cái thời-hạn để thi đỗ được bằng-cấp. Dù thế nào mặc lòng, trường học chỉ có thể mà thôi, tốt hay xấu là tùy cái lý-tưởng tuyệt-dịch làm chuẩn cho các trường ấy.

Đứa sơ-sinh ăn bằng sữa mẹ, thành ra vừa biết cái đồ ăn của mình mà nhân lại vừa biết cả mẹ mình; đồ ăn ấy thật là đồ ăn hoàn-toàn, vừa nuôi cả thân-thể, vừa nuôi cả linh-hồn; người ta lúc nhập-môn vào cõi đời cũng phải thế, nghĩa là lấy ái-tình làm gốc, chứ không thể lấy một cái luật nhân-quả được.

Nay một quyển sách, thiên khai-luận với thiên kết-luận có mấy cái tính-cách giống nhau. Thiên trên cũng như thiên dưới, cả cái đầu đề bày ra hoàn-toàn, giản-dị, ở thiên đầu thờ. Vì chưa phát-siễn ra, ở thiên cuối thời vì đã phát-siễn ra được đầy-đủ rồi. Chính trong giữa quyển sách thời cái vấn-đề mới phiền-phức ra, mới vụn-vặt ra, mới xung-dột với những thuyết phản-đối khác, rồi đến sau kết-thúc thời lại hồn-nhiên như lúc đầu.

Ấy người ta vào cuộc đời cũng thế; cứ lấy cái hình-thức giản-đơn mà nói, bước chân vào cõi đời tức là bước chân vào nơi cứu-cánh của đời mình. Đứa con trẻ sinh vào một cõi đời đương sinh-hoạt mạnh-mẽ, được kẻ thân-yêu phù-trì chăm-chút. Lớn lên mới biết rằng cái thân mình cũng chẳng là hệ-trọng gì; thấy mình như chìm-đắm trong sự-vật phồn-tạp, muốn biệt-lập ra ngoài cái hoàn-cảnh mình, cũng có khi vì ngang-trái mà muốn đứng xara. Nhưng mà sự chia rẽ nhân-thân với hoàn-cảnh, sự phá-hoại cái

ces digressions du doute, l'homme retourne à la simplicité du vrai, qui est l'union avec tous par le lien de l'amour.

C'est pourquoi notre enfance devrait boire à longs traits à la coupe de la vie, dont elle a une insatiable soif. Le jeune esprit devrait être imprégné de l'idée que le milieu dont il fait partie s'harmonise avec le monde tout entier. C'est là ce que l'école ignore, d'ordinaire, malgré ces airs supérieurs de sagesse dédaigneuse et sévère. Elle entraîne de force l'enfant loin du monde plein du mystère de l'œuvre divine authentique, où tout lui parle par suggestions discrètes. L'école n'est qu'un appareil de discipline qui refuse de tenir compte de l'individu, une usine destinée à manufacturer des produits uniformes. Pour creuser le canal de l'éducation, on y suit la ligne droite fictive d'une moyenne. Mais la ligne que suit la vie se plaît à zigzaguer de droite et de gauche, et c'est pourquoi la vie ne saurait s'attirer à l'école que des remontrances. Selon l'école, en effet, la vie est à l'état parfait quand elle permet qu'on la traite comme une morte, qu'on la dissèque et qu'on la découpe en compartiments symétriques.

Telles furent les causes de mes souffrances quand on me mit à l'école. Je vis soudain le monde disparaître d'autour de moi, et à sa place surgirent des bancs de bois et des murs, qui me regardaient du regard blanc des aveugles. Je n'étais pas la créature du maître d'école, assurément. Pour me mettre au monde, on n'avait pas consulté le département de l'instruction publique. Mais fallait-il se venger sur moi de cette inadvertance de mon créateur ?

bản-thê hồn-nhiên ấy, không thể kết-cục đến phân-liã mãi-mãi được. Muốn cho tới cái chỗ kết-thúc của cuộc đời thời sau những sự hoà-nghi li-cách đó, người ta phải trở lại cái cõi thuần-túy chân-thật, là sự hoà-hợp với mọi người bằng cái giây liên-lạc ái-tình vậy.

Cho nên thừa nhỏ ta phải dăm-thăm vào trong cõi sinh - hoạt, vì ta khao-khát sự sinh-hoạt. Thần-tri ta lúc trai-trẻ phải tiêm-nhiễm lấy cái lý - tưởng rằng cái hoàn-cảnh ta là hòa-hợp với cả vũ-trụ chung quanh. Nhà trường vẫn làm cái bộ nghiêm - khắc cao-kỳ, mà điều đó là nhà trường thường không biết đến. Nhà trường cưỡng bắt đứa trẻ con mà đem nó ra ngoài cái thế-giới đầy những sự màu-nhiệm của hóa-công là chỗ cái gì nó cũng có thể trực-giác mà cảm biết được. Nhà trường chẳng qua là một cái máy kỷ - luật, không biết đến cá-nhân là gì, chẳng qua là một cái xưởng để chế đồ thành mớ vậy. Muốn đào con sông giáo-dục, cứ theo một cái đường thẳng hảo-huyền, cho thế là lấy trung-bình. Nhưng mà cái đường sinh-hoạt không phải là đường thẳng; đường sinh-hoạt lại hay khuất - khúc, khi thiên bên này, khi lệch bên kia, cho nên ở nhà trường cái sức sinh - hoạt chỉ bị đè-nén. Vì theo nhà trường thì sự sống phải như sự chết, có thể đem phân-phẫu ra, đem cắt vụn ra từng mảnh một, thế là gọi là sống hoàn-toàn.

Ấy cái nguyên-nhân sự khổ của tôi khi tôi phải theo học nhà trường là thế. Tôi trông thấy vũ - trụ như biến mất cả quanh mình tôi, mà chỉ thấy những dây ghề gỗ, những bức tường với nó nhìn tôi như con mắt trắng bệch của người mù vậy. Tôi quyết không phải là một tên trò cho thầy gõ đầu; khi người ta sinh tôi ra đời, chắc là không có hỏi ý-kiến của bộ Học. Nhưng mà vì ông tạo-vật tôi làm có, lẽ lại báo-thù vào tôi hay sao ?

Selon la légende, il n'est pas possible de manger de l'arbre de la connaissance et de rester néanmoins dans le paradis. C'est sans doute pourquoi les enfants doivent être bannis de leur paradis et relégués dans une région morte, réglementée à l'instar d'un atelier-tailleur sur mesure. Alors mon esprit de s'accommoder de la case scolaire, aussi étroite que la chaussure d'une Chinoise, qui froissait et meurtrissait ma nature de toute part, à chaque mouvement. Je parvins, fort heureusement, à m'en dégager avant que l'insensibilité ne s'ensuivit.

Bien que je n'aie pas dû subir tout entière la pénalité infligée aux hommes de ma condition pour pouvoir faire leur entrée dans le monde, je suis bien aise de ne pas y avoir complètement échappé. Car c'est là que j'ai appris à comprendre le tort que l'on fait à l'enfance.

Ce grand tort, c'est de contrarier l'intention de Dieu quant à la voie par laquelle les enfants doivent acquérir le savoir. S'il s'agit de la conduite de nos affaires, nous avons le droit d'en décider à notre aise. Nous pouvons installer nos comptoirs comme il nous plaît. Mais ces arrangements de bureaux ne conviennent pas à la création divine. Or les enfants sont bien l'une des créations authentiques de Dieu.

Nous sommes en ce monde pour l'accepter, et non pour en prendre seulement connaissance. On peut acquérir le pouvoir par la science, mais c'est par la sympathie qu'on parvient à une plénitude de vie. La meilleure éducation est celle qui ne se borne pas à nous renseigner, mais qui nous harmonise avec tout ce qui est. Mais cette éducation de la sympathie, les écoles l'ignorent systématiquement; elles s'y opposent même avec force. Dès l'enfance, nos habitudes se forment et l'instruction nous est donnée de manière à nous sevrer de la nature: c'est ainsi qu'une opposition s'établit entre nos esprits et le monde dès le commencement de nos jours.

Theo truyện truyền-ký thời không có thể vừa được nếm quả cây tri-thức, lại vừa được sống trên cõi thiên-đường. Để vì thế nên trẻ con phải trục-xuất ra ngoài cõi thiên-đường, đem dầy vào một nơi tử-địa, nhất-nhất có qui-thức như một cửa hàng thợ may đo áo vạt. Bấy giờ trí tôi phải khuôn vào cái chuồng nhà học, cũng chật-hẹp như chiếc giầy của người đàn-bà Tàu, hề hồ động-dậy là đau-đớn đến cả người. May sao tôi thoát ra được, trước khi thành ra si-ngốc tê-mê.

Tuy tôi không phải chịu hoàn-toàn cái tội mà những người vào hạng tôi phải chịu để bước vào cõi đời, nhưng tôi cũng không tránh được hẳn, cũng là một sự hay. Nhờ đó mà tôi hiểu cái hại cho bọn trẻ con thế nào.

Hại ấy là ngăn-trở cái ý của Tạo-vật thuộc về đường lối trẻ con phải theo để thu-hoạch lấy sự tri-thức. Giá là sự quản-lý công việc của ta, thì ta có quyền muốn định đặt thế nào mặc lòng. Ta muốn mở cửa hàng của ta ở đâu tùy-ý. Nhưng mà những cách sắp-đặt trong buồng giấy như thế không hợp với cái công sáng-tạo của Tạo-vật. Mà con trẻ thật là một cái công-trình đích-thực của Tạo-vật,

Ta ở đời này là để thuận nhận lấy sự đời, chứ không phải để tri-giác nó mà thôi. Người ta có thể chiếm quyền-thế bằng sự học, nhưng muốn tới được cõi sinh-hoạt hoàn-toàn thì phải có cảm-tình mới được. Sự giáo-dục tốt nhất không những là dạy cho ta biết mà lại khiến cho ta hòa-hợp với vạn-vật. Nhưng mà cách giáo-dục bằng cảm-tình đó, các nhà trường cố-ý không biết đến; lại cực-lực phản-đối nữa. Cái thói quen nó bắt ngay từ thuở nhỏ, mà sự học ở nhà trường chỉ là làm cho ta xa-cách với vạn-vật; thành ra từ thuở sơ-sinh thấn-tri ta với thế-giới, hai bên đã tương-phản nhau rồi.

La plus importante éducation à laquelle l'enfant soit destiné reste ainsi négligée : on le frustre du monde pour lui offrir à sa place une liasse de renseignements. Nous privons l'enfant de la terre pour lui apprendre la géographie, nous lui ôtons le langage pour l'initier à la grammaire. Il a faim d'épopée ; nous lui servons des chroniques de faits et de dates. Il naquit au monde des humains : nous l'exilons dans un monde de gramophones animés. C'est sans doute pour expier son péché originel, l'ignorance. La nature de l'enfant proteste contre ces calamités, elle proteste par toutes ses facultés de souffrance, mais en fin de compte elle capitule, forcée au silence par les punitions.

Nous savons tous que les enfants aiment la lumière. Leur corps et leur esprit ont soif d'air et de soleil, comme les fleurs en ont soif. Ils n'ont jamais envie de refuser l'invitation de l'Univers qui veut entrer, par les sens, en communication avec eux.

Malheureusement pour eux, par contre leurs parents vivent dans un monde d'habitudes et de traditions scolaires, en rapport avec l'exercice de leurs professions. Il ne saurait en être autrement, en quelque mesure. Les hommes sont forcés de se spécialiser, ils sont obligés par les circonstances et par la nécessité sociale de l'uniformité. Tout au contraire, l'enfance est l'époque où nous avons ou devrions avoir plus de liberté, n'étant nullement forcés encore de nous y spécialiser en des conventions professionnelles ou sociales.

Je me rappelle l'étonnement et le déplaisir d'un maître de classe, homme d'expérience, réputé pour ses talents disciplinaires, lorsqu'il aperçut l'un de nos garçons grim-pant à un arbre, et s'y installant à la bifurcation de deux branches pour se mettre à l'étude. Je dus lui faire observer que l'en-

Như thế thời phần giáo-dục quan-hệ nhất cho đứa trẻ con bị nhãng-bỏ, làm cho nó cách-biệt với thế-giới mà đem một mớ học-thức chi-li để thế vào. Ta không cho con trẻ biết đất là gì, mà ta dạy nó học địa-dư ; ta không cho nó tập nói mà ta dạy nó học mẹo. Nó ham những truyện anh-hùng hào-kiệt, ta dạy nó sử-ký những việc vặt cùng những ngày-tháng. Nó sinh ra ở một thế-giới loài người, ta đẩy nó vào một thế-giới những máy lưu-thanh. Dễ thường dễ cho nó chuộc lại cái tội nguyên-thủy của nó là tội ngu-tối chẳng. Tâm-tinh đứa con trẻ hết sức chống lại những sự tai-hại đó, đem hết cái sức chịu khổ mà đối lại, nhưng mà đến cùng cũng phải chịu, vì hành - phạt lắm mà phải ngồi yên.

Ta đều biết rằng con trẻ hay thích những chỗ lấm bụi. Thân-thể nó, tinh-thần nó, khao-khát không-khí, khao-khát ánh sáng, như cái hoa phải cần đến khí trời ánh sáng mới mọc được. Cả vũ-trụ như muốn cảm các giác-quan nó mà thông-dồng với nó, nó không hề bao giờ muốn từ chối sự thỉnh-cầu của vũ-trụ bao giờ.

Nhưng không may cho nó, cha mẹ chúng nó lại sinh-trưởng trong một thế-giới những thói quen, những lề-lối như trong một nhà trường, vì chức-nghiệp bắt phải như thế. Kê thời cũng không thể không thế được. Vì người ta cần phải theo về chuyên-môn, vì tinh-thế phải thế, vì cái phép nhất-luật của xã-hội bắt phải thế. Nhưng mà tuổi nhỏ là tuổi ta phải được tự-do hơn, vì chưa phải chức-nghiệp, chưa phải xã - hội bó buộc phải chuyên-môn.

Tôi còn nhớ có một thầy giáo, người lịch-luyện và có tiếng là kỹ-luật rgiêm, trông thấy một đứa trẻ chúng tôi leo lên cây ngồi giữa chỗ chạnh tai cái h cây mà học, lấy làm lạ-lùng và khó chịu. Tôi nói cho thầy biết rằng người ta ở đời văn-minh này

fance est le seul moment de sa vie où un homme civilisé peut choisir entre les branches d'un arbre et les sièges d'un salon. Devrais-je frustrer un gamin de ce privilège parce que moi-même j'en suis privé ? Le plus curieux, c'est de constater l'approbation du même maître lorsque le même élève étudie la botanique. Une connaissance impersonnelle de l'arbre, il en est partisan, car c'est de la science ; mais il ne fait aucun cas d'une connaissance personnelle. Or c'est par la connaissance personnelle que se forme l'instinct, fruit de la méthode naturelle d'instruction. Les garçons de mon école connaissent instinctivement la physionomie d'un arbre ; par un simple attouchement, ils savent où placer le pied sur un tronc d'apparence inhospitalière. Ils savent quelles libertés ils peuvent prendre avec les branches, et comment répartir le poids de leur corps pour alléger la charge des petits rameaux. Mes garçons sont des experts dans l'art d'utiliser un arbre, soit pour cueillir ses fruits, soit pour s'y reposer, ou pour s'y cacher en cas de poursuite. Moi, par contre, élevé en ville dans un intérieur cultivé, j'ai vécu pratiquement toute ma vie comme si j'habitais un monde où il n'y a point d'arbres du tout.

C'est pourquoi ma conviction déclarée est que, pour mes garçons, un des objets importants de l'éducation est de réaliser que les arbres dans leur monde à eux sont des faits substantiels non seulement comme générateurs de chlorophylle ni comme agents de l'absorption du carbone, mais comme les arbres vivants.

La plante de nos pieds est ainsi faite que ceux-ci sont les instruments parfaits pour nous tenir debout sur la terre ou pour y marcher. Du jour où nous commençons à porter des chaussures, nous réduisons ces fonctions à un minimum. Leur responsabilité amoindrie, nos pieds perdent en partie conscience de leur dignité et tolèrent qu'on les amollisse dans des chaussettes, des pantouffles, des souliers de formes, de prix di-

duy có một tuổi nhỏ là có thể leo lên cành cây làm ghế ngồi được. Tôi đây không thể làm thế được, lẽ nào tôi lại cấm đứa con nhỏ cho nó mất cái đặc-quyền ấy ? Lại lạ nữa, là chính ông giáo ấy thấy tên trò ấy học về thực-vật-học, ông cho là phải. Học về cây mà không biết đến cây, thế thì ông bằng lòng, vì thế là khoa-học ; còn học một cách thân-mật với cái cây thì ông không cho vào đầu. Mà tất phải học bằng cách thân-mật ấy thì mới dưỡng-dục được cái bản-năng của người ta, tức là sự kết-quả của phép giáo-dục thiên-nhiên. Những con trẻ trong trường tôi nó trực-tiếp mà biết hình-thể một cái cây ; như một cái thân cây gõ-ghè, nó mó vào biết được ngay chỗ nào nên để chân. Nó biết rằng nó ngồi trên cành cây phải thế nào, phải đặt mình làm sao cho chia cái sức nặng trên những cành nhỏ. Những trẻ con của tôi là nó sành cái cách lợi-dụng cây, hoặc để hái quả, hoặc để nghỉ mát, hoặc để ẩn mình khi bị đuổi bắt. Như tôi thời sinh-trưởng ở nơi văn-học chỗ thị-thành, thật cả đời tôi như ở một cái thế-giới không có cây vầy.

Cho nên tôi thâm-tín rằng sự giáo-dục cho trẻ con tôi cốt nhất là phải dạy cho nó biết rằng trong cái thế-giới này là thế-giới của nó, cây là những sự thực hiển-nhiên, không phải chỉ là nững cơ - quan để sinh ra chất « lam-tô » (*chlorophylle*) hay là hấp-lấy chất thán-khi mà thôi, thực là những cây có sống thật.

Lại cái bản chân của người ta thời sinh ra là để đứng và để đi trên mặt đất. Từ khi ta bắt đầu dùng giày dép, thời ta giảm mất công việc của cái bản chân đi. Chân ta đã giảm mất trách-nhiệm đi thế, thời cũng quên mất cả cái danh-giá của mình đi, chịu để cho nhu-nhuộc đi, để cho bọc vào bi-lắc, xô vào giày dép đủ các kiểu-mẫu, đủ các giá-tặng. Tựa - hồ như

vers et de toutes disproportions. C'est comme si l'on reprochait au Créateur de ne pas avoir mis sous nos pieds des sabots de corne au lieu de doter leur plante d'une exquise sensibilité.

Je ne propose pas aux hommes d'abolir l'usage des chaussures, mais sans hésitation j'affirme que la plante des pieds des enfants ne doit pas être privée de l'éducation qui lui revient, éducation dont la nature se charge gratuitement. De tous nos membres, les pieds sont les mieux adaptés à prendre connaissance de la terre, par le toucher. Or la terre a des reliefs de contours subtils offerts aux baisers de ses amoureux.

Je vins au monde, je l'avoue, dans un milieu respectable où mes pieds, dès l'enfance, furent préservés du contact avec la poussière. Aussi quand aujourd'hui je veux imiter mes garçons et marcher à pieds nus, je constate péniblement l'ignorance de la terre dont mes pieds sont affligés. Je ne manque jamais de choisir les épines pour y poser le pied, et je l'y pose de telle manière que ce sont les épines qui triomphent. Mes pieds sont dépourvus de l'instinct qui leur ferait suivre les lignes de moindre résistance. Le sol le plus plan, en effet, a ses fossettes, ses mamelons minuscules, ses petits creux que des pieds bien élevés discernent. J'ai été souvent étonné de voir les zigzags décrits par un sentier au travers d'un pré parfaitement plat. C'est encore plus surprenant quand on songe qu'un sentier n'est pas tracé par le caprice d'un seul piéton. On pourrait croire que la plupart des passants sont doués d'excentricités indentiques, puisqu'ils ont tracé des chemins aussi étrangement sinueux. La cause en est, toutefois, dans des suggestions venues de la terre et auxquelles nos pieds répondent inconsciemment. Ceux qui ne sont pas restés ignorants de ce genre de communication ajustent leurs muscles, avec grande promptitude, au moindre de ces avertissements. Ils se préservent ainsi de l'intrusion des épines, même lorsqu'ils marchent sur elles, et ils procèdent à pieds nus, sans le moindre inconvénient, sur un chemin gravelé.

trách ông Tạo-vật làm sao không làm cho chân người có móng như móng lừa, mà lại cho cái bàn chân mềm-mại dễ cảm như thế.

Không phải là tôi bàn người ta nên bỏ giày dép mà không dùng, nhưng tôi dám quyết rằng cái bàn chân của trẻ con cần phải giáo-dục mà sự giáo-dục ấy đã có Tạo-vật làm không cho mình. Nội tứ-chỉ của ta cái chân là có tư-cách nhất đề cảm-giác đất bằng sự tiếp-xúc. Mà mặt đất thời nó có cái hình-thể rất tinh-vi đề cho bàn chân kẻ thương-yêu võ-về màn-mó.

Tôi sinh ra đời vào một nơi tôn-trọng, từ thuở nhỏ bàn chân không phải tiếp-giáp với đất. Cho nên ngày nay nếu tôi muốn bắt-chước lũ trẻ mà đi chân không thời tôi thấy chân tôi dốt quá, không biết đất là cái gì. Chọn ngay những chỗ chông - gai mà bước vào, mà bước khéo đến trúng ngay vào chính cái gai. Chân tôi không có cái sức « bản-năng » đủ làm cho biết những chỗ nhẹ - nhàng mà bước. Vì mặt đất dẫu phẳng thế nào mặc lòng, cũng có những chỗ lồi chỗ lõm rất nhỏ, cái chân nào khéo giáo-dục thì dễ nhận được ngay. Tôi thường lấy làm lạ trông thấy những đường chạy qua những đồng ruộng rất phẳng mà vẫn khúc-khủy cong-queo. Lại lạ nữa là mỗi cái đường ấy không phải chân một người bước quấy mà thành ra. Tự đã qua nhiều người đi lại mới thành ra khúc-khủy như thế, tựa-hồ như người nào cũng bước quấy-quá như vậy cả. Cái nguyên-nhân nó là ở sự cảm-độ tự dưới đất lên mà cái chân ta tự-nhiên hưởng-ứng vậy. Những người biết hiểu sự cảm-thông đó thời liền uốn thịt mình cho thích-ứng, mau chóng nhẹ-nhàng lắm. Như thế thời bước giữa chỗ gai-góc mà cũng tự tránh được chông gai, đi chân không trên con đường sỏi mà không thấy khó chịu tí nào.

Je sais bien que dans le monde pratique on portera des souliers, que les routes seront macadamisées, qu'on se servira de véhicules ; mais durant le stage de leur éducation, ne devrait-on pas faire constater aux enfants que le monde n'est pas un salon, qu'il existe une nature et que leurs membres sont faits pour y répondre ?

(à suivre)

RABINDRANATH TAGORE

La vie spirituelle de l'Asie

Sự sinh-hoạt về tinh-thần của Á-châu

La vie simple de l'Asie peut supporter sans crainte le contraste frappant avec l'Europe, dans lequel la vapeur et l'électricité l'ont placée aujourd'hui. L'ancien monde commercial, celui de l'artisan et du colporteur, celui des marchés du village et des foires patronales, où de petits bateaux remontent et descendent les grands fleuves chargés des produits du pays, où chaque palais renferme une cour, dans laquelle les marchands peuvent étaler leurs étoffes et leurs bijoux, pour que de belles dames voilées puissent venir les voir et les acheter, ce monde n'est pas complètement mort.

Et bien que sa forme puisse se modifier, ce ne serait pas sans grande perte que l'Asie pourrait permettre à son esprit de s'éteindre, car l'ensemble de cet art industriel et décoratif, qui constitue l'héritage des siècles, se trouve en son pouvoir, et avec lui, elle ne perdrait pas seulement la beauté des choses, mais la joie de l'artisan, l'originalité de sa vision, et la lente action humaine de son labeur. Car se vêtir de la toile que l'on a soi-même tissée,

Tôi vẫn biết rằng cứ thực thi ai cũng đi giày, đường thì đánh phẳng lì sơn hắc-in, mà đi đâu đã có xe; nhưng mà trong cái thời-kỳ giáo-dục, há lại không nên dạy cho con trẻ biết rằng thế-giới không phải là một cái sa-lông, quanh mình còn có vạn - vật, mà châu tay người ta phải tập thể nào cho đối-phó được với vạn-vật ư ?

(Còn nữa)

Đời này là đời điện-khi hơi nước, nhưng cái cảnh sinh-hoạt giản-dị của Á-châu có thể đem ra sánh với cái cảnh sinh-hoạt náo-động của Âu-châu mà không sợ vậy. Cái thế-giới buôn-bán cũ, cái thế-giới chú lái bác phó, cái thế-giới những chợ làng chợ hội, những tàu nhỏ đi lên đi xuống các sông lớn vận-tải những đồ sản-vật của bản-xứ, cái thế-giới mà trong mỗi cung vua có một cái sân lớn để cho nhà hàng bày những vàng ngọc gấm vóc cho các cung-tần yêu-diệu che mặt ra mua, cái thế-giới ấy chưa phải đã mất hết đâu.

Tuy cái hình-thức của Á-châu có thể thay-đổi được, nhưng cái tinh - thần của Á-châu mà để cho mất đi thì là một sự hại to cho Á-châu, vì những cái công - nghệ mỹ - nghệ của Á-châu đó là cái của hương-hỏa mấy mươi đời để lại, còn ở trong tay mình, nếu mình để cho mất đi, thì không những mất cái vẻ đẹp của sự-vật, mà lại mất cả cái thú-vị của nhà nghề, mất cả cái đặc-sắc của sự quan-cảm của người ta, mất cả cái màu nhào-đạo thắm-nhuần cả cái công-phu của

c'est demeurer dans sa propre maison, c'est créer une sphère propre à son esprit.

L'Asie ignore, il est vrai, les joies sauvages d'une locomotion qui boit l'espace, mais elle possède encore la science plus profonde du voyage, celle du pèlerinage et celle des moines nomades. L'ascète indien, qui mendie son pain quotidien aux ménagères villageoises, et qui, le soir venu, s'assied sous un arbre, parle et fume avec les paysans de la contrée, voilà le vrai voyageur. Pour lui, la campagne n'est pas faite seulement de ses aspects naturels, elle est un chaînon des coutumes et des traditions toute empreinte de la tendresse et de l'amitié de celui qui a partagé, ne fût-ce qu'un instant, les joies et les peines de son drame privé. Le paysan japonais qui voyage, ne quitte, lui aussi, aucun endroit intéressant de ses promenades, sans y laisser son *hokku*, petit sonnet d'une forme d'art accessible aux plus simples. Par ces moyens, la conception orientale de l'individualité se cultive comme une science mûre et vivante harmonisant la pensée et le sentiment dans une grave mais souriante humanité. Par ces formes d'échange, l'idée orientale du commerce entre humains s'est conservée comme le vrai moyen de culture.

La chaîne des antithèses pourrait s'allonger indéfiniment. Mais la gloire de l'Asie est une chose plus positive. Elle consiste dans cet amour de la paix qui vibre dans tous les cœurs, dans cette harmonie qui unit l'empereur et le paysan, dans cette intuition sublime d'unité qui commande la sympathie, la courtoisie, qui amena Takakura, empereur du Japon, à se dépouiller, par une nuit d'hiver, de ses vêtements de nuit, parce que le froid gelait les foyers

ngươi ta, Vì rằng mặc bằng vải tự tay mình dệt ra, là ở nhà mình, là gây được một cái hoàn - cảnh riêng cho thần-trí mình.

Vấn biết rằng Á-châu không được biết cái thú hùng-hồn chuyển - vận mau như nước đường đất, nhưng Á-châu có cái thuật đi đường thâm-trầm hơn, là cách trầy dền và cách đi đường của bọn du-tăng. Thầy sãi Ấn-độ ăn mày cơm của các chị nhà quê mà ăn, chiều đến ngồi dưới gốc cây, nói chuyện hút thuốc với bọn nông-dân vùng ấy, đó mới là kẻ lữ-hành chân-chính. Kẻ lữ-hành như thế thời cho nhà quê không những là gồm những cảnh-sắc thiên-nhiên ở trước mắt mà thôi, lại là một cái giây phong - tục tương-truyền, như thắm - nhuần cái tình ân-ái của kẻ đã cùng mình chia cái sướng cái khổ trong tấn kịch một đời, dù chỉ trong một khoảnh-khắc mặc lòng. Người nhà quê Nhật-bản trong khi lữ-hành, qua nơi nào có hứng-thú, không hề dơi chân mà không để lại một bài thơ đoản-cú, thể-cách giản-dị, người thường cũng có thể làm được. Nhờ có những cách đó mà cái quan-niệm về cá-nhân của Đông-phương cũng có thể gây dựng như một khoa-học thành-thực và hoạt-bát, điều-hòa được tư-tưởng với cảm-tình, thành một cái vẻ làm người nghiêm-trang và tươi-tỉnh. Nhờ có những cách giao-dịch như thế, cái lý-tưởng của Đông-phương về sự người ta giao-tế với nhau giữ được thành một cách giáo-hóa chân-chính.

Ấu Á đối nhau, có thể kẻ mãi vô-cùng. Nhưng mà cái vinh-dự của Á-châu còn là một sự thiết-thực hơn nữa. Vinh-dự của Á-châu là ở cái lòng hiếu hòa-bình nó rung-động trong quả tim của mỗi người, ở cái mối đồng-tâm cao-thượng nó gây ra lễ-nhượng cảm-tình, nó khiến cho vua TAKAKURA nước Nhật đương đêm đông cởi áo ngủ ra

de ses pauvres; ou *Taiso*, *Hiu-tsong* de l'époque *Tang*, à se priver de nourriture, parce que son peuple souffrait de la famine. Elle réside dans le rêve de renoncement, qui nous montre les *Boddhisattvas* s'abstenant du *Nirodha*, jusqu'à ce que le dernier atome de poussière de l'univers ait gagné la félicité. Elle réside dans cet amour de l'indépendance qui entoure la pauvreté d'un halo de grandeur, qui impose aux princes indiens cette austère simplicité de la vie et élève en Chine un trône, dont le possesseur impérial, seul de tous les grands maîtres du monde, ne porte jamais d'épée.

Là est la force secrète de la pensée, de la poésie et de l'art de l'Asie. Arrachés à leurs traditions, l'Inde, dépouillée de cette vie religieuse qui est l'essence même de sa nationalité, devient une adoratrice du médiocre, du faux, et de la nouveauté; la Chine aux prises avec les problèmes d'une civilisation matérielle plutôt que morale, tomberait dans l'agonie mortelle de son ancienne dignité et de l'éthique qui depuis des siècles avait fait de la parole de ses marchands l'obligation juridique qui lie ceux de l'Occident, et du nom de ses paysans, le synonyme de prospérité; le Japon, patrie de la race d'*Ama*, trahirait la plénitude de sa défiance en souillant la pureté du miroir spirituel, en changeant en un plomb vil l'âme d'acier de son épée.

La tâche actuelle de l'Asie consiste donc à protéger et à restaurer les coutumes asiatiques. Mais pour le faire, il lui faut d'abord se reconnaître elle-même et développer la conscience de ses coutumes, car les ombres du passé sont les promesses de l'avenir. Aucun arbre ne saurait dépasser la force con-

vi thương kẻ bần-dân cơ-hàn, hay là vua Thái-tổ, vua Huyền-tôn nhà Đường nhìn thấy vì dân phải đói khát. Lại ở cái lòng tự-xả của các bậc Bồ-tát kia, cam chịu không nhập Nát-bàn vội, chờ cho bao giờ trong trần-gian không còn một chút mây bụi nào là không được hoan-hỷ bấy giờ sẽ hay. Lại ở như cái lòng hiếu-độc-lập kia nó làm cho kẻ nghèo-khó như có một cái hào-quang sáng rực, nó khiến cho các vua chúa Ấn-độ kia cũng chịu khổ-hạnh như người thường, nó dựng ra ở nước Tàu một cái ngôi thiên-tử mà người cầm quyền là người khắp trong các bậc đế-vương trên thế-giới duy có mình trong tay không cầm bảo-kiếm bao giờ.

Đó là cái tiềm-lực của tư-tưởng, thi-văn và mỹ-thuật của Á-châu Ấn-độ kia mà xa cách cái cớ-truyền trong nước, đời bỏ sự sinh-hoạt về tôn-giáo là cái quốc-túy của mình, thời thành ra chỉ biết thờ cái tầm-thường, cái già-trá, cái mới lạ; nước Tàu kia, đương phải khó-khăn giải-quyết những vấn-đề thuộc về văn-minh vật-chất hơn là thuộc về văn-minh tinh-thần, vì để cho mất cái luân-lý cổ trong mấy mươi thế-kỷ đã làm cho một lời nói của người buôn mình bằng tờ giao-kèo bó-buộc nhà buôn của Tây-phương, đã làm cho cái tên chỉ người dân nhà quê có nghĩa là vui-vẻ thịnh-vượng, đến thế thì không còn gì là cái thanh-giá trang-nghiêm nữa trước nữa; lại nước Nhật-bản kia là chốn tổ của giống *Ama* vì để cho tấm gương báu đến ổ-nhòai đi, vì để cho thanh bảo-kiếm đến cùn-nhục đi, thời bại-hoại đến thế là cùng.

Cái nhiệm-vụ hiện nay của Á-châu là phải bảo-tồn và khôi-phục những phong-tục của Á-châu. Nhưng muốn cho được thế thì phải nhận-chân lấy mình đã, phải phát-siêu cái quan-niệm về phong-tục mình, vì cái bóng

tenue dans sa graine. La vie consiste en un retour sur soi-même. Que d'évangiles ont proclamé cette vérité ? « Connais-toi », fut le grand mystère révélé par l'oracle de Delphes. « Tout en toi-même », dit la voix paisible de Confucius ; et plus frappante encore, est l'histoire indienne qui porte à ses fidèles le même message. Il advint un jour, disent les Bouddhistes, que le maître ayant réuni autour de lui ses disciples, soudainement apparut devant eux une image terrible, celle de Civa, le grand dieu, les aveuglant tous, sauf *Vajrapani*, le très savant. Alors *Vajrapani*, ses compagnons étant aveuglés, se tourna vers le maître et lui dit : « Dites-moi, pourquoi, en cherchant parmi toutes les étoiles et toutes les divinités, égales en nombre aux sables du Gange, je n'ai vu nulle part cet être glorieux. Qui est-il ? » Et le Bouddha répondit : « C'est toi-même ! » Et *Vajrapani*, dit l'histoire, entra aussitôt dans le bonheur suprême.

.....Mais aujourd'hui, la grande somme de pensée occidentale nous rend perplexes. Nous disons que le miroir de *Yamato* est obscurci. Avec la révolution, il est vrai, le Japon retourne vers son passé, y cherchant la vigueur nouvelle dont il a besoin. Comme toute restauration véritable, c'est une réaction avec une différence. Car la consécration de l'art à la nature, que les *Ashikaga* inaugurèrent est devenue aujourd'hui une consécration à la race, à l'homme lui-même. Nous savons instinctivement que c'est dans notre histoire qu'est renfermé le secret de notre avenir, et nous tâtonnons avec une énergie aveugle pour en trouver l'énigme. Mais si l'idée est juste, s'il y a vraiment une source de renouveau cachée dans notre passé, nous devons

tôi của quá-khứ chính là cái mầm sáng cho tương-lai vậy. Không có cây nào mọc được quả sức tiềm-tàng ở trong hạt giống. Sự sinh-hoạt bao giờ cũng là một sự phản-hồi về mình. Biết bao nhiêu kinh phúc-âm từ xưa đến nay đã tuyên-truyền cái chân-lý đó ! Câu bí-quyết của thần tiên-tri thành *Delphes* dạy cho người Hi-lạp ngày xưa là : « Phải nên biết mình » Không phụ-tử cũng ung-dung dạy người Tàu rằng : « Hết thấy là gốc ở mình cả ». Nhưng mà rõ-rệt nhất là câu chuyện Ấn-độ dạy cho các tín-đồ đạo Phật một lời cũng như thế. Sách Phật chép rằng : « Một ngày Thế-tôn họp cả các đồ-đệ ngồi quanh mình. Chợt có hiện ra một cái bình dữ-dội, là bình thần *Siva*, sáng quắc, làm lòa mắt cả mọi người, chỉ trừ có thầy *Vajrapani* là người rất thông-thái. Bấy giờ các bè-bạn đều bị lòa mắt cả, thầy *Vajrapani* ngoảnh lại trước Thế-tôn mà nói rằng : « Có sao tôi tìm trong khắp các vì sao, khắp các ngôi thần, nhiều như số cát sông Hằng-hà, tôi không thấy một đấng nào rực-rỡ như đấng này. Đấng này là ai vậy ? » Phật trả lời rằng : « Chính là anh đấy ! » Sư chép rằng từ đây thầy *Vajrapani* liền được vào cõi hoan-tỉ vô-cùng ».

... Nhưng ngày nay tư-tưởng của Tây-phương man-mác quá, làm cho ta phải bối-rối. Tấm gương bấu của đất *Yamato* (Đại-Hòa) đã bị nhòa tối. Nhờ sự cải-cách, nước Nhật đã lấy phục-cổ, biết quay về cũ mà tìm lấy cái sức mới đương cần. Phạm sự khôi-phục là có bản-dộng mà có khác đi. Ví xưa kia, bắt đầu tự đời *Ashikaga*, mỹ-thuật là dễ phụng-sự vạn-vật, từ nay mỹ-thuật là dễ phụng-sự nội giống, phụng-sự người ta. Chúng tôi trực-giác mà biết rằng cái bí-quyết của hậu-vận chúng tôi là ở trong lịch-sử chúng tôi, mà chúng tôi đương mơ-màng hết sức tìm cho được. Nhưng vì cái lý-

admettre qu'elle demande en ce moment un puissant secours, car la sécheresse aride de la vulgarité moderne brûle le gosier de la vie et de l'art.

Nous attendons que la lame fulgurante de l'éclair perce les ténèbres, car ce sommeil terrible doit être rompu et la rosée d'une vigueur nouvelle doit rafraîchir le sol, avant que de nouvelles fleurs puissent s'épanouir. Mais cette vigueur doit venir de l'Asie elle-même, et c'est le long des anciennes routes de la race que la grande voix se fera entendre.

La victoire viendra du dedans, ou la mort glorieuse du dehors.

OKAKURA (KAKUZO)

(*Les Idéaux de l'Orient*, trad. J. SERRUYS, Payot et C^{ie}, édit. 1917).

tưởng đó là đúng, vì trong cõi quá-khứ của chúng ta có một cái nguồn mới-mẻ ở đó, thời ta cũng phải biết rằng cái nguồn ấy hiện ngày nay phải gia-công nỗ-lực mới khai-thông ra được, vì cái khí-vị khô-hanh của cái đời tầm-thường này nó đương làm cho cháy sém cả nơi yết-hầu của sự sinh - hoạt cùng sự mĩ-thuật.

Ta đương như trong đám tối đợi sáng, đợi cái chớp nhoáng nó đâm qua đám vân-vụ, vì giấc ngủ kinh-hồn này phải tỉnh ra mới được, giọt sương trong buổi sớm phải tắm trời đất này, nhiên - hậu những vẻ tân - hoa mới có thể nảy-nở ra được. Nhưng cái sức mạnh thanh-tân đó, phải tự Á-châu mà ra, và cái tiếng hô-hào tỉnh hồn tan mộng đó phải tự con đường thẳm của nòi giống đã kinh-quá mà truyền lại vậy.

Sự đại-thắng phải ở trong mà ra, không thời cơ đại-bại chính ở ngoài mà lại.

L'Enseignement français (1)

Au commencement de 1913, je professais à l'Université de Colombie à New-York, et j'étais en rapport avec d'autres universités américaines. On me disait : « Nous nous sommes tournés vers les Universités allemandes à une époque où l'Amérique n'avait pas d'Universités et où les vôtres n'étaient pas encore réorganisées. Puis nous avons continué, par habitude. Mais maintenant, c'est de votre côté que nous regardons. » Voilà comment parlaient des Américains, avant que la guerre leur eut pleinement révélé l'infériorité morale de l'âme allemande. J'ai réfléchi depuis à ce qu'ils me disaient alors, aux qualités qu'ils découvraient à notre enseignement et il

m'a semblé que ce qu'ils appréciaient déjà dans nos méthodes, c'était, par rapport aux méthodes allemandes, une supériorité morale.

Car après avoir loué la science de nos maîtres, après avoir constaté que nous étions les héritiers des Grecs et les dépositaires de la tradition classique, que sur les textes anciens nous nous entendions fort bien, nous aussi, à faire de l'érudition et de la critique verbale, mais que nous savions, en outre, faire goûter ce qu'il y a d'artistique dans ces œuvres d'art, que là est d'ailleurs le but et que, s'il est utile de bien râcler la pelure, le principal est de savourer le fruit, ils ajoutaient : « Il y a deux choses que

(1) Extrait d'une allocution prononcée par M. Bergson, le 2 mars 1919, lors d'une réception organisée en l'honneur des professeurs et étudiants américains par le *Rapprochement universitaire*.

nous prisons par-dessus tout dans l'enseignement français : les qualités de clarté et de composition qu'on trouve dans la leçon du maître, et l'habitude de faire sans cesse appel, chez l'étudiant et même chez l'écolier, à l'esprit d'invention. »

Mais ces habitudes de clarté et de composition, que représentent-elles sinon la sincérité vis-à-vis de soi-même et aussi le désir de rendre la science accessible au plus grand nombre ?

Ce n'est pas chez nous qu'un savant se vanterait d'avoir écrit des livres qui ne peuvent être compris que d'une douzaine d'autres savants, ses collègues et ses pairs. Nous n'avons pas de caste scientifique. Nous nous en voudrions de réserver le festin de la science à ceux qui en ont fait les frais. Il y a des qualités intellectuelles qui tiennent à des dispositions morales, et en approfondissant la clarté on y trouverait peut-être de la générosité, comme on sent de la chaleur quand on s'approche d'une source de lumière. On pourrait dire, en donnant au mot démocratie son sens le plus élevé, que la clarté est d'essence démocratique. Pour ne parler que de la philosophie, ce n'est pas chez nous qu'on l'a hérissée de mots techniques, barbares, qui s'interposent entre elle et le public. Nos plus grands penseurs, à commencer par Descartes, ont jugé qu'il n'y a pas d'idée

philosophique, si profonde et si subtile soit-elle, qui ne puisse et ne doive être exprimée dans la langue de tout le monde. La philosophie a pu se répandre ainsi dans la nation entière. La nation y a gagné. La philosophie aussi, car au lieu de s'amuser, seule avec elle-même, à construire des systèmes fragiles, où il y a toujours du vide et parfois de l'absurde, elle s'est soumise ainsi au contrôle du sens commun en même temps qu'elle s'est fécondée au contact de la science, de la littérature et de l'art. Elle a pu rester constamment génératrice d'idées.

Quant à l'appel que nous lançons dès le collège et même dès l'école, aux facultés d'invention, d'où vient-il sinon de notre respect de la personne humaine et de notre désir de donner à l'individualité, dans les limites compatibles avec la discipline sociale, sa plus haute expansion ? Ce n'est pas chez nous qu'on dresse l'écolier à une attitude passive et à un travail automatique : ce n'est pas chez nous que l'étudiant est occupé à collectionner plus ou moins machinalement des matériaux qui ne serviront, — s'ils doivent jamais servir, — qu'aux publications du maître. Le principe de notre système d'éducation est qu'il faut traiter tout étudiant, et même tout écolier, comme s'il y avait en lui l'étoffe d'un maître.

HENRI BERGSON (1)



(1) Membre de l'Académie française, professeur au Collège de France, M. H. Bergson poursuit à sa manière, — par son original effort pour saisir, sous les abstractions construites pour les besoins de la science, les « données immédiates de la conscience », — la lutte contre le matérialisme et le déterminisme qui a été la tradition dominante de la philosophie universitaire française au XIX^{ème} siècle. Sa méthode implique un constant appel, non seulement à l'« élan vital » dont il rappelle le rôle dans l'*Evolution créatrice*, mais à l'« énergie spirituelle », — c'est le titre de son dernier livre.

Morceaux choisis français

Traduits en Annamite

(Dịch thơ văn Tây)

La brebis et le chien.

La Brebis et le Chien, de tous ses temps
amis,
Se racontaient un jour leur vie infor-
tunée.
« Ah ! disait la brebis, je pleure et je
frémis,
Quand je songe aux malheurs de notre
destinée.
Toi l'esclave de l'homme, adorant les
ingrats,
Toujours soumis, tendre et fidèle,
Tu reçois pour prix de ton zèle,
Des coups et souvent le trépas.
Moi, qui tous les ans les habille,
Qui leur donne du lait et qui fume
leurs champs,
Je vois chaque matin quelqu'un de ma
famille,
Assassiné par ces méchants.
Leurs confrères les loups dévorent ce
qui reste.
Victimes de ces inhumains,
Travailler pour eux seuls, et mourir
par leurs mains,
Voilà notre destin funeste !
— Il est vrai, dit le chien ; mais crois-
tu plus heureux,
Les auteurs de notre misère ?
Va, ma sœur, it vaut encor mieux,
Souffrir le mal que de le faire. »

FLORIAN

Con cừu cái và con chó

Cô Cừu cái, cậu chó con.
Xưa nay tri-kỷ chẳng còn ai hơn.
Cùng nhau than-thở nguồn cơn :
Anh cảm phận âm, chị hờn duyên ôi.
Khóc than Cừu nói : « Trời ôi !
Sao ông dầy-dọa chúng tôi đủ điều !
Như anh nô-lệ đã nhiều,
Ra luôn vào cúi, mển-yêu trung-thành.
Công-lao được những gì, Anh,
Hay chủ-nhân cứ việc hành-hạ thôi ?
Ba toong họ vụt từng hồi,
Quá tay có lúc đi đời nhà ma.
Nói người lại ngấm đến ta,
Còn em đây mới thực là dăng-cay.
Hàng năm cho chủ lông này,
Đề dệt thành giạ mà may áo-quần.
Sữa thời cho họ vắt ăn,
Lại cho họ lấy cả phân bón đồng.
Thế mà chẳng sáng nào không,
Họ đem một mạng làm lông hổ nòi !
Bị quân vô-loại xong rồi,
Đến thàng Chó-sói cũng nòi bất-lương.
Còn ai sống sót chẳng thương,
Tha đi nhai thịt gặm xương hết dần.
Tuồng vô-nghĩa ở bất-nhân !
Làm dầy tớ họ mà thân chẳng toàn !
Nước đời lắm nỗi đa-đoan,
Trời xanh sao nữ-khêu gan chúng mình !
Chó nghe kê lễ sự tình,
Đáp rằng : « Chị nói phẩn-minh phải lời.
Song chị hãy găm mà coi,
Người làm ta cực thế thời sừng chẳng ?
Ra gì cái thói hung-hăng,
Chẳng thà chịu khổ hơn rằng dã-man. »

VŨ VĂN-LỄ dịch